

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4786 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000
Khu công nghiệp số 12, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua đề án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp số 12, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung Đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035;

Căn cứ Văn bản số 1367/BXD-QHKT ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Bộ Xây dựng, Văn bản số 1366/BKHĐT-QLKKT ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn bản số 1004/BCT-KH ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Bộ Công Thương về việc góp ý đề án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp số 12, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 8423/SXD-QH ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp số 12, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (kèm theo Tờ trình số 3708/TTr-BQLKKTNS&KCN ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp số 12, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi lập quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp số 12, Khu kinh tế Nghi Sơn thuộc địa giới hành chính xã Tân Trường và xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh hoá; có giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp: đường quy hoạch và Khu đô thị số 14 (DT-14);
- Phía Nam giáp: đường quy hoạch;
- Phía Đông giáp: giáp đường cao tốc Bắc Nam;
- Phía Tây giáp: đường quy hoạch.

2. Tính chất, chức năng: Là khu công nghiệp tập trung đa ngành, ưu tiên các ngành công nghiệp phụ trợ, công nghiệp vật liệu xây dựng...

3. Quy mô

- Diện tích nghiên cứu lập quy hoạch khoảng 393,17 ha.
- Dự báo quy mô lao động khoảng 10.365 lao động.

4. Cơ cấu sử dụng đất

STT	Loại đất	Ký hiệu	Tổng (ha)	Tầng cao (tầng)	Mật độ (%)	Hệ số SĐĐ	Tỷ lệ (%)
1	Đất XD nhà máy, xí nghiệp	CN	255,09	1-3	60-70	0,6-2,1	64,88
2	Đất hành chính, công cộng	HC	3,14	3-5	25-35	0,75-1,75	0,80
3	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật (Khu xử lý nước thải, tập kết CTR, trạm điện, trạm bơm...)	HTKT	5,53	1-2	30-35	0,3-0,7	1,40
4	Đất cây xanh (CXCL, KVCX)	CXCL KVCX	52,68				13,40
5	Đất giao thông nội khu	GT	76,73				19,52
-	Đất giao thông nội khu		70,60				
-	Đất bãi đỗ xe		2,11				
-	Khu sửa chữa phương tiện		4,02	1-2	25-35	0,25-0,7	
	Tổng diện tích lập quy hoạch		393,17				100,0

5. Phân khu chức năng và tổ chức không gian

5.1. Phân khu chức năng

Khu công nghiệp được phân thành 03 khu vực chủ yếu như sau:

- Khu đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 255,09 ha được bố trí như sau:

+ Khu 01: diện tích 93,91ha, nằm phía Nam tuyến đường điện 110KV, phía Đông giáp đường cao tốc Bắc Nam, phía Nam giáp đường quy hoạch, phía Tây giáp trục chính Bắc Nam khu công nghiệp. Lô có diện tích lớn được bố trí dọc theo tuyến đường quy hoạch phía Nam.

+ Khu 02: diện tích 79,59ha, phần còn lại phía Nam đến giáp tuyến đường điện 110KV. Lô có diện tích lớn bố trí giáp tuyến đường quy hoạch phía Nam.

+ Khu 03: diện tích 81,59ha, nằm phía Bắc đường điện 110KV, sau khi xem xét giấy phép hoạt động của các doanh nghiệp, cũng như tính đến phân kỳ đầu tư, thì khu phía Bắc sẽ được đưa vào quỹ đất dự trữ công nghiệp. Tập trung khai thác trước tiên khu phía Nam đường điện 110KV.

- Khu công trình đầu mỗi hạ tầng được bố trí tập trung theo 2 giai đoạn. Quy mô công trình đầu mỗi hạ tầng khoảng 5,53ha, đạt tỷ lệ 1,40% so với quỹ đất quy hoạch.

- Các khu cây xanh được bố trí phân tán thành các dải xanh dọc theo các trục đường, đảm bảo quy mô khoảng $\geq 10\%$ tổng quỹ đất quy hoạch.

5.2. Tổ chức không gian các khu vực

a) Đất xây dựng khu hành chính, công cộng

Đất xây dựng khu hành chính, công cộng được bố trí tại khu vực trung tâm giáp tuyến đường giao thông đối ngoại của khu công nghiệp (bao gồm các khu văn phòng điều hành, các công trình công cộng dịch vụ như trung tâm giao dịch thương mại, nhà triển lãm và trưng bày sản phẩm...) được bố trí hài hòa với các công trình xung quanh, tạo bộ mặt đặc trưng và là điểm nhấn cho khu công nghiệp.

Quy mô diện tích 3,14ha. Các chỉ tiêu sử dụng đất: tầng cao 3-5 tầng, mật độ xây dựng 25-35%, hệ số sử dụng đất 0,75-1,75 lần.

b) Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp:

Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp được bố trí thành 03 khu như trên, tổng diện tích xây dựng 255,09ha. Các chỉ tiêu sử dụng đất: tầng cao 1-3 tầng, mật độ xây dựng 60-70%, hệ số sử dụng đất 0,6-2,1 lần.

Quy hoạch phân lô các lô đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp linh hoạt, có thể ghép nối nhiều lô đất để đáp ứng yêu cầu xây dựng của các nhà máy có quy mô lớn. Yêu cầu về quản lý kiến trúc, hạ tầng: Hạ tầng trong hàng rào nhà máy đảm bảo phù hợp với yêu cầu công nghệ và đảm bảo chất lượng môi trường cảnh quan cho khu vực. Hạ tầng ngoài hàng rào kết nối đồng bộ, hiện đại, toàn bộ chất thải của nhà máy phải được xử lý trước đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

c) Đất công trình hạ tầng kỹ thuật: Khu xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật được bố trí các hạng mục công trình như: Trạm điện, xử lý nước thải...các khu đất này được bố trí cạnh đường các tuyến đường giao thông thuận lợi cho việc đấu nối với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài khu công nghiệp. Quy mô diện tích 5,53ha; các chỉ tiêu sử dụng đất: tầng cao 1-2 tầng, mật độ xây dựng 30-35%, hệ số sử dụng đất 0,3-0,7 lần.

d) Đất cây xanh : Bao gồm cây xanh cách ly, sông suối mặt nước, bố trí phân tán trên toàn khu quy hoạch, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu cách ly và tạo cảnh quan cho khu công nghiệp. Quy mô diện tích 52,68ha.

đ) Đất giao thông: Hệ thống giao thông trong được bố trí kết nối với các tuyến đường giao thông đối ngoại, đảm bảo tiếp cận thuận tiện đến từng lô đất. Quy mô diện tích: 76,73ha.

6. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

6.1. Quy hoạch san nền

Căn cứ trên cao độ tự nhiên của khu vực và quy hoạch chung của Khu kinh tế Nghi Sơn. Cao độ san nền khu vực được khống chế từ +9,5m đến +19,0m. Độ dốc san nền $i = 0,8\% - 1,25\%$.

Hướng dốc chính của khu vực từ Tây sang Đông, thiết kế san nền cục bộ trong lô đất là tạo dốc về phía các trục đường từ đó nước mưa được thu vào hệ thống thoát nước đặt dưới vỉa hè và được dẫn vào hệ thống thoát nước chung và đổ vào mương thoát nước.

6.2. Quy hoạch thoát nước mưa

Mạng lưới thoát nước mưa của khu vực được chia làm 2 lưu vực chính:

+ Lưu vực 1: Dốc về phía Đông Bắc, thoát về sông nước Tiến.

+ Lưu vực 2: Dốc về phía Đông Nam, thoát về Đầm Thượng Hòa.

- Thiết kế hệ thống thoát nước mưa độc lập với hệ thống thoát nước thải. Toàn bộ nước mưa được thu gom bằng hệ thống cống tròn BTCT có đường kính từ D1000 ÷ D1500 chạy dọc dưới vỉa hè các tuyến đường của Khu công nghiệp. Dọc theo hệ thống thoát nước mưa bố trí các hố ga thăm, khoảng 40-100 (m) bố trí 1 hố ga, tùy thuộc vào từng vị trí cụ thể. Nước mưa trong khu công nghiệp được thu gom vào 2 tuyến cống hộp phía Đông khu công nghiệp với kích thước rời thoát ra sông Nước Tiến và cống tiêu qua đường cao tốc Bắc nam về Đầm Thượng Hòa.

Phía Tây tuyến đường vành đai Công nghiệp Tân Trường bố trí kênh hở với kích thước $B \times H = 2.5m \times 2.0m$ để thu nước khu vực núi phía Tây Khu công nghiệp.

6.3. Quy hoạch giao thông

* Giao thông đối ngoại:

- Tuyến vành đai công nghiệp Tân Trường, lộ giới 43,0m trong đó: Mặt đường $2 \times 15,0m = 30,0m$; dải phân cách giữa 3,0m; vỉa hè $2 \times 5,0m = 10,0m$.

- Tuyến đường gom phía Tây đường cao tốc Bắc Nam, lộ giới 15,5m: Mặt đường 10,5m; vỉa hè 2 bên: 5,0m.

- Tuyến đường nối Quốc lộ 1A với KCN Tân Trường, lộ giới 60,0m: Mặt đường $2 \times 15,0m = 30,0m$; dải phân cách giữa 10,0m; vỉa hè $2 \times 10,0m = 20,0m$.

* Giao thông đối nội:

Mạng lưới giao thông trong khu được thiết kế theo dạng ô bàn cờ. Quy mô mặt cắt đường được tính toán phù hợp về số lượng và bề rộng các làn xe, đảm bảo lưu lượng, vận tốc của các phương tiện tham gia. Hành lang các công trình hạ tầng kỹ thuật đảm bảo khả năng bố trí hệ thống đường dây, đường ống, tuynen...

- Tuyến đường có mặt cắt 2-2 (Đường chính khu công nghiệp) có lộ giới 40,0m, trong đó:

+ Chiều rộng mặt đường chính : $2 \times 10,5 = 21,0m$

+ Chiều rộng hè đường : $2 \times 8,0 = 16,0m$

+ Dải phân cách : 3,0m

+ Chỉ giới đường : 40,0m

+ Chỉ giới xây dựng : 52,0m

- Tuyến đường có mặt cắt 3-3 có lộ giới 25,0m, trong đó:

+ Chiều rộng mặt đường chính : $2 \times 7,5 = 15,0m$

+ Chiều rộng hè đường : $2 \times 5,0 = 10,0m$

+ Chỉ giới đường đỏ : 25,0m

+ Chỉ giới xây dựng : 31,0m

- Tuyến đường có mặt cắt 4-4 có lộ giới 20,5m, trong đó:

- + Chiều rộng mặt đường chính : 10,5m
- + Chiều rộng hè đường : $2 \times 5,0 = 10,0\text{m}$
- + Chỉ giới đường đỏ : 20,5m
- + Chỉ giới xây dựng : 26,5m
- Tuyến đường có mặt cắt 5-5 có lộ giới 18,5m, trong đó:
 - + Chiều rộng mặt đường chính : 10,5m
 - + Chiều rộng hè đường : $5,0 + 3,0 = 8,0\text{m}$
 - + Chỉ giới đường đỏ : 18,5m
 - + Chỉ giới xây dựng : 24,5m
- Tuyến đường có mặt cắt 6-6 có lộ giới 19,0m, trong đó:
 - + Chiều rộng mặt đường chính : 9,0m.
 - + Chiều rộng hè đường : $2 \times 5,0 = 10,0\text{m}$
 - + Chỉ giới đường đỏ : 19,0m
 - + Chỉ giới xây dựng : 25,0m.
- Tuyến đường có mặt cắt 7-7 có lộ giới 17,0m, trong đó:
 - + Chiều rộng mặt đường chính : 9,0m.
 - + Chiều rộng hè đường : $5,0 + 3,0 = 8,0\text{m}$
 - + Chỉ giới đường đỏ : 17,0m
 - + Chỉ giới xây dựng : 23,0m

6.4. Quy hoạch cấp nước

- Nguồn nước cấp cho khu vực lấy tại hồ Quế Sơn từ tuyến đường ống $\Phi 225$ chạy dọc tuyến đường gom phía Tây của đường bộ cao tốc Bắc Nam theo điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung KKT Nghi Sơn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tổng nhu cầu cấp nước cho khu công nghiệp là: 9.400,0(m³/ngđ)

- Giải pháp mạng lưới được chọn là mạng vòng kết hợp với mạng cụt cấp nước cho nhu cầu sinh hoạt, cứu hoả và mọi nhu cầu khác. Ống cấp nước thiết kế sử dụng ống HDPE có đường kính từ D110 ÷ D225. Đường ống cấp nước được quy hoạch dọc theo các tuyến đường giao thông và đi ngầm dưới vỉa hè.

- Thiết kế mạng lưới cấp nước cho khu công nghiệp theo dạng kết hợp giữa cấp nước công nghiệp và cứu hoả. Trên các trục đường có ống cấp nước chính sẽ đặt các trụ cứu hoả, khoảng cách giữa các trụ cứu hoả từ 100 ÷ 150m.

6.5. Quy hoạch cấp điện

- Nguồn điện: Lấy từ trạm biến áp 220 kV Khu kinh tế Nghi Sơn theo định hướng đồ án “Điều chỉnh QHC KKT Nghi Sơn đã phê duyệt”.

- Nhu cầu sử dụng điện cho Khu công nghiệp: 76.539,0KVA. Nguồn điện trung áp khu vực quy hoạch được lấy từ trạm biến áp 110kV quy hoạch mới trong Khu công nghiệp có công suất 2x40MVA.

- Mạng lưới điện cao áp cấp cho TBA toàn khu: là tuyến điện 110KV từ trạm biến áp 220KV Nghi Sơn cấp điện cho khu công nghiệp.

- Mạng lưới trung áp: Gồm các tuyến 22 kV được quy hoạch ngầm trong các tuyến kỹ thuật đi dọc trục đường giao thông, lấy điện từ TBA 110 kV cấp cho các khu vực tiêu thụ điện. Mạng lưới điện trung áp quy hoạch mạng lưới vòng. Các TBA 22/0,4 kV xây mới được tính toán công suất tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng điện, chọn vị trí phù hợp.

- Lưới điện chiếu sáng: Đường dây hạ áp cấp điện chiếu sáng trong khu công nghiệp là hệ thống cáp ngầm 0,4kV đi dọc vỉa hè, giải phân cách đường giao thông;

6.6. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Thoát nước thải:

- Tổng nhu cầu xử lý nước thải cho khu công nghiệp là: 7.800,0(m³/ngđ)

- Xây dựng mới hệ thống thoát nước thải riêng biệt hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa để thu gom toàn bộ lưu lượng nước thải trong khu công nghiệp. Nước thải được xử lý triệt để đảm bảo đạt chất lượng đầu ra theo QCVN 12:2008 (đối với nước thải sinh hoạt) cũng như QCVN 24:2009 (đối với nước thải khu công nghiệp). Xây dựng 02 trạm xử lý nước thải: Trạm xử lý nước thải số 01 xử lý nước thải cho khu số 01 và khu số 02 với công suất: 5.300,0m³/ngđ. Trạm xử lý nước thải số 02 xử lý nước thải cho khu số 03 với công suất: 2.500,0m³/ngđ.

- Mạng lưới đường ống: Mạng lưới đường ống tròn BTCT từ D300 ÷ D400 được quy hoạch phủ khắp với mục đích thu gom toàn bộ nước thải khu

công nghiệp về các trạm xử lý. Mạng lưới đường ống quy hoạch tuân thủ các quy định, quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành cũng như các yêu cầu và nguyên tắc vạch tuyến mạng lưới.

b) Vệ sinh môi trường:

- Chất thải rắn sinh hoạt từ khối văn phòng và các khu vực sinh hoạt: Được thu gom về các khu vực tập kết, các xe chuyên dụng thu gom chất thải rắn sẽ đến các khu vực tập kết và vận chuyển lượng chất thải rắn này đến các bãi thu gom ngoài khu công nghiệp để xử lý.

- Đối với chất thải rắn công nghiệp: Các chủ nhà máy và xí nghiệp phải đăng ký chủ nguồn thải theo quy định và thực hiện việc thu gom vận chuyển hoặc ký hợp đồng với các đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển. Chất thải rắn được thu gom bằng các xe chuyên dụng. Chất thải rắn trong khu công nghiệp sẽ được tập kết về 02 trạm trung chuyển, tại đây chất thải rắn được phân loại và chờ được đưa đến Nhà máy xử lý chất thải rắn Khu kinh tế Nghi Sơn.

6.7. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động

a) Hạ tầng bưu chính

Tiếp tục duy trì nâng cấp khung trang các điểm BĐ-VH xã đáp ứng nhu cầu cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông công cộng phục vụ cấp ủy Đảng, Chính quyền và nhu cầu sử dụng dịch vụ của nhân dân trên địa bàn.

b) Hạ tầng viễn thông.

* Mạng điện thoại cố định, Internet cố định.

Với nhu cầu dự báo nhu cầu thuê bao điện thoại cố định, Internet băng thông rộng cố định, truyền hình qua mạng viễn thông trong khu vực nghiên cứu cần đầu tư xây dựng 01 trạm truy nhập vệ tinh; xây dựng các tuyến cáp quang ngầm dọc các tuyến giao thông từ trạm trung tâm của thị xã về trạm vệ tinh trong khu vực nghiên cứu.

* Mạng thông tin di động

- Xây dựng các cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động dùng chung cho các doanh nghiệp viễn thông trong khu vực nghiên cứu.

- Phạm vi bán kính phủ sóng của 01 trạm từ 300 đến 500 m, đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ thông tin di động băng thông rộng tốc độ cao, dự kiến trong khu vực nghiên cứu cần bố trí 06 vị trí để xây dựng cột ăng ten.

*** Mạng truyền dẫn**

Sử dụng cáp quang Singlemode (SM) có đường kính core khoảng 9 μ m, sử dụng nguồn phát laser truyền tia sáng xuyên suốt.

- Đối với các tuyến cáp từ tổng đài vệ tinh đến các tủ cáp (cáp chính), sử dụng các sợi cáp quang dung lượng từ 24 – 48 core.

- Đối với từ các tuyến cáp từ tủ cáp đến hộp cáp, từ hộp cáp đến các thiết bị đầu cuối sử dụng đường truyền cáp quang lắp đặt đến thuê bao. Dung lượng lắp đặt cáp thuê bao khu vực thiết kế sử dụng các loại cáp quang sau: 4 core, 12core, 24 core. Mạng cáp được xây dựng ngầm hóa toàn bộ các tuyến cáp dọc các tuyến đường giao thông trong khu vực. Hệ thống cáp chính được bố trí đi trong ống nhựa PVC đường kính D110.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện.

- Tổ chức bàn giao hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu số 2, thuộc Khu đô thị trung tâm - Khu kinh tế Nghi Sơn cho Sở Xây dựng, địa phương, làm cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Rà soát, cập nhật nội dung, ranh giới của quy hoạch phân khu công nghiệp số 12 vào đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch sinh thái rừng Trường Lâm đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2976/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 theo quy định.

- Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp có trách nhiệm làm việc với các Doanh nghiệp đã được cấp phép khai thác mỏ đá, mỏ sét trong phạm vi quy hoạch khu công nghiệp để có kế hoạch, lộ trình đầy nhanh tiến độ khai thác theo phạm vi của từng khu trong phân khu để sớm có mặt bằng đầu tư hạ tầng khu công nghiệp; đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền cho phép nâng công suất khai thác khoáng sản khu vực này, sớm tạo mặt bằng đầu tư hạ tầng khu công nghiệp.

2. UBND thị xã Nghi Sơn phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị ranh giới quy hoạch, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ ...) quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa; Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, CN.
- H24(2021)QDPD QHPK KCN số 12

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH****Mai Xuân Liêm**